TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH
TẠP CHÍ KHOA HỌC
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
ISSN: 1859-3100 Tập 15, Số 8 (2018): 135-146

HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF EDUCATION
JOURNAL OF SCIENCE
SOCIAL SCIENCES AND HUMANITIES
Vol. 15, No. 8 (2018): 135-146

Email: tapchikhoahoc@hcmue.edu.vn; Website: http://tckh.hcmue.edu.vn

QUAN HỆ CHÍNH TRỊ VIỆT NAM – ASEAN TRONG "VẤN ĐỀ CAMPUCHIA" (1986 - 1991)

Trần Hùng Minh Phương*

Trường Đại học KHXH&NV - ĐHQG Hà Nội

Ngày nhận bài: 23-7-2018; ngày nhận bài sửa: 17-8-2018; ngày duyệt đăng: 24-8-2018

TÓM TẮT

Hợp tác giải quyết "vấn đề Campuchia" *đã làm tan băng quan hệ chính trị giữa Việt Nam – ASEAN, dần khẳng định vị trí của Việt Nam trong khu vực Đông Nam Á và trên trường quốc tế. Việt Nam và ASEAN cùng tìm ra một giải pháp đồng bộ cho vấn đề này, từ đây hai nhóm nước cùng hiểu nhau hơn, tin tưởng nhau hơn.*

Tháng 10 năm 1991, Hiệp định hòa bình về Campuchia được kí kết, đánh dấu chấm dứt cuộc khủng hoảng "vấn đề Campuchia", *mở ra một thời kì mới trong hợp tác và phát triển của khu vực Đông Nam Á, đặc biệt là quan hệ giữa Việt Nam – ASEAN.*

Từ khóa: Đông Nam Á, quan hệ chính trị, "vấn đề Campuchia", Việt Nam – ASEAN.

ABSTRACT

Political relations Vietnam – Asean in the* "Cambodian problem" *(1986 – 1991)

The cooperation on the "Cambodian problem" *has dissolved the political relations between Vietnam and ASEAN, affirming Vietnam's position in Southeast Asia and the world. Vietnam and ASEAN together find a solution to this problem, from which the two groups of countries understand each other better, trust each other.*

In October 1991, the Peace Agreement on Cambodia was signed, ending the "Cambodian problem" *crisis, opening a new period in regional cooperation and development of Southeast Asia, especially the relationship between Vietnam and ASEAN.*

Keywords: Southeast Asia, political relation, "Cambodian problem", Vietnam – ASEAN.

1. Đặt vấn đề

Giai đoạn 1986-1991, có thể được xem là giai đoạn khó khăn của Việt Nam, đặt Việt Nam trước yêu cầu cấp thiết cần đổi mới để tồn tại, phát triển kinh tế và thoát khỏi thế bao vây cấm vận của các thế lực thù địch. Đại hội VI (1986) của Đảng Cộng sản Việt Nam là sự đổi mới tư duy về tất cả các mặt an ninh - phát triển, lợi ích quốc gia - nghĩa vụ quốc tế, hợp tác - đấu tranh. Đồng thời, Việt Nam xác định những nhiệm vụ chiến lược: hòa bình và phát triển, thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, thoát khỏi bao vây và cấm vận. Thực hiện đường lối đối ngoại rộng mở, từ năm 1986 đến 1991, Việt Nam đã đẩy mạnh hoạt động đối ngoại kinh tế, đối ngoại chính trị. Việt Nam đã xây dựng quan hệ hữu nghị hợp

* Email: *tranhungminhphuong@gmail.com*

tác với các quốc gia láng giềng và trong khu vực, chuyển từ thế đối đầu sang đối thoại với các quốc gia trong ASEAN. Nội dung Nghị quyết 32 của Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam được xem là chính sách xuyên suốt của Việt Nam, giải quyết "vấn đề Campuchia" chính là điểm mấu chốt giúp Việt Nam thực hiện được đường lối chính sách đối ngoại đã đặt ra đồng thời đẩy nhanh quá trình hợp tác, đưa chính sách đối ngoại với ASEAN trở thành hiện thực cụ thể.

Kết quả bước đầu đạt được trong những năm cuối thập niên 80 có ý nghĩa quan trọng là đã giải tỏa được tình trạng đối đầu, thù địch, mở cửa giao lưu hợp tác với bên ngoài, tạo được vị thế mới cho đất nước trong quan hệ quốc tế.

Sau khi đưa chính sách đối ngoại vào thực hiện, Đảng và nhà nước Việt Nam đã "giải quyết hòa bình vấn đề Campuchia" (Bộ Ngoại giao Việt Nam). Trong đó để giải quyết vấn đề này có hai điều kiện: Loại bỏ lực lượng Khmer Đỏ diệt chủng và rút quân tình nguyện Việt Nam về nước (Vũ Dương Ninh, 2005). Những giải pháp đưa ra trong chính sách để giải quyết "vấn đề Campuchia", đã có tác động thúc đẩy tác động đến một giải pháp chung trong "vấn đề Campuchia" đi đến một giải pháp hòa bình toàn diện, đến năm 1989 thì cơ bản hoàn thành bằng tuyên bố về một giải pháp chính trị toàn diện cho xung đột ở Campuchia.

2. Bối cảnh quốc tế, khu vực và Việt Nam nửa sau thập niên 1980

2.1. Tình hình quốc tế và khu vực

Từ giữa những năm 80, các nước lớn đi vào hòa hoãn, hợp tác giải quyết các vấn đề khu vực, trong đó có "vấn đề Campuchia". Các quốc gia trong ASEAN lo ngại họ có thể tìm giải pháp bất lợi cho khu vực, do đó ASEAN từng bước điều chỉnh quan hệ với Việt Nam, hợp tác tìm giải pháp cho "vấn đề Campuchia" có lợi cho hòa bình, ổn định trong khu vực và nâng cao vai trò của ASEAN.

Bước vào thập kỉ 90, vị thế của ASEAN đã dần thay đổi diễn ra trên hai lĩnh vực: Tính liên kết khu vực bước vào thập kỉ 90 và vai trò độc đáo của ASEAN tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương dưới hình thức tổ chức quốc tế có tính khu vực. Bối cảnh địa chính trị[1] khu vực đầu thập niên 1990 cũng không có nhiều khác biệt so với năm 1967. Năm quốc gia thành lập ASEAN là Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore và Thái Lan nhận thấy phải đưa khu vực Đông Nam Á tránh xa những hệ quả mà chiến tranh lạnh gây ra, cần phải đoàn kết ASEAN chặt chẽ, gắn bó hơn bao giờ hết. Mục đích của các quốc gia ASEAN là cần gắn bó với phần còn lại của khu vực, nghĩa là phải hòa giải với Việt Nam.

[1] **Địa chính trị (**Geopolitics) là lĩnh vực nghiên cứu về tác động của các yếu tố địa lí tới hành vi của các quốc gia và quan hệ quốc tế. Cụ thể, địa chính trị xem xét việc các yếu tố như vị trí địa lý, khí hậu, tài nguyên thiên nhiên, dân số, hay địa hình tác động như thế nào tới chính sách đối ngoại của một quốc gia và vị thế của quốc gia đó trong hệ thống quốc tế. (Theo http://nghiencuuquocte.org/2015/05/01/dia-chinh-tri/ truy xuất ngày 01/5/2015)

Sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của ASEAN đều nhấn mạnh chủ trương đa dạng - đa phương hóa quan hệ quốc tế và chú trọng hợp tác - liên kết khu vực.

Tháng 3 năm 1985, Gorbachev làm Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô, đồng thời thay đổi chính sách đối ngoại với Mĩ và Trung Quốc đã ảnh hưởng rất lớn đến Việt Nam. Ngày 02 tháng 12 năm 1989, tại Malta (quốc gia ở Nam Âu), Gorbachev gặp gỡ không chính thức Tổng thống Mĩ Bush, hai bên đã đạt được một số thỏa thuận về giải trừ quân bị, trao đổi ý kiến về tình hình nhiều điểm nóng trên thế giới và tuyên bố chấm dứt tình trạng chiến tranh lạnh giữa hai nước. Sau cuộc gặp gỡ tại Malta, quan hệ đối kháng giữa Mĩ và Liên Xô giảm xuống, cùng hướng đến việc thoả hiệp và hợp tác phát triển.

> Trong thời gian này, Trung Quốc tiếp tục dùng "vấn đề Campuchia" tạo khó khăn cho Việt Nam, làm con bài mặc cả với Liên Xô, gây ảnh hưởng với ASEAN, tạo thuận lợi thu hút vốn và kĩ thuật của Mĩ và phương Tây phục vụ cho chiến lược vươn lên cường quốc của mình (Vũ Dương Huân, 2002, tr.71).
>
> Chiến tranh lạnh kết thúc tạo điều kiện cho Trung Quốc gây ảnh hưởng của mình ở Đông Nam Á. Những điều kiện đó chính là: Ảnh hưởng của Mĩ và Nga đang giảm xuống trong khu vực; các quốc gia ASEAN cần mở rộng quan hệ hợp tác với Trung Quốc cả về chính trị lẫn kinh tế. (Phạm Đức Thành, 2006, tr.87)

Trong vấn đề đặt lại quan hệ ngoại giao giữa hai nước Việt Nam và Trung Quốc, cả hai nước đều muốn bình thường hóa quan hệ với nhau, gác lại những xung đột trong quá khứ, từ cuộc chiến tranh biên giới Việt – Trung năm 1979 và trong vấn đề biển Đông năm 1988. Từ năm 1989 nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, quan hệ Việt Nam với Trung Quốc và Mĩ cùng một số nước được cải thiện, Năm 1990, tổ chức ba vòng đàm phán cấp thứ trưởng ngoại giao Việt Nam – Trung Quốc, thảo luận việc bình thường hóa quan hệ Việt – Trung.

Từ ngày 03 đến ngày 04 tháng 9 năm 1990, các nhà lãnh đạo hai nước Việt Nam và Trung Quốc đã gặp nhau không chính thức tại Thành Đô, thủ phủ tỉnh Tứ Xuyên (Trung Quốc) (Vũ Dương Huân, 2002, tr.72). Cuộc gặp này, về thực chất đã là bình thường hóa quan hệ giữa Việt Nam – Trung Quốc và khôi phục tình hữu nghị truyền thống lâu đời giữa nhân dân hai nước. Kết quả của hội nghị là một loạt các thay đổi trong chính sách đối nội và đối ngoại giữa Việt Nam – Trung Quốc, Việt Nam – Mĩ và Việt Nam với ASEAN.

Tháng 3 năm 1991, Thủ tướng Trung Quốc Lý Bằng tuyên bố *"quan hệ Việt – Trung tan băng"*. Tháng 9 năm 1991 Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam Nguyễn Mạnh Cầm đến Bắc Kinh, ra thông cáo khôi phục trao đổi và hợp tác về kinh tế, thương mại, khoa học và công nghệ, giao thông vận tải và văn hóa, bình thường hóa quan hệ Trung - Việt. Từ ngày 01 đến 04 tháng 12 năm 1991, đoàn đại biểu cấp cao Đảng và Chính phủ Việt Nam sang thăm chính thức Trung Quốc. Hai bên đã ra thông cáo chung và kí kết một số hiệp

định. Thông cáo chung giữa Việt Nam và Trung Quốc khẳng định quan hệ hai nước đã được bình thường hóa và sẽ phát triển trên cơ sở nguyên tắc chung sống hòa bình.

2.2. Tình hình trong nước

Từ năm 1986, Việt Nam đã thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước. Đổi mới là sự lựa chọn của cách mạng Việt Nam nhằm mục tiêu phát triển đất nước, mở cửa để hội nhập với khu vực và thế giới, qua đó *"kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại"*, nhằm giải quyết những khó khăn trước mắt, đưa đất nước vượt qua khó khăn, hội nhập cùng khu vực và thế giới, đây là dấu ấn quan trọng trong tiến trình phát triển của đất nước.

Trước thời kì đổi mới, nhất là trong hơn 10 năm tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước (1975-1986), nền kinh tế mang đậm bản sắc nông nghiệp, khép kín, chủ yếu dựa vào nguồn lực của đất nước; một nền kinh tế tự cung, tự cấp, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề, mô hình phát triển gắn với cơ chế kế hoạch hóa tập trung có những khiếm khuyết lớn trong việc giải quyết các nhiệm vụ phát triển, nhất là trong lĩnh vực kinh tế.

So với công cuộc cải cách và chuyển đổi từ kinh tế kế hoạch tập trung sang kinh tế thị trường ở các quốc gia khác, đổi mới ở Việt Nam có những nét đặc thù riêng. Công cuộc đổi mới ở Việt Nam diễn ra từ hai chiều: "từ dưới lên" tức là ở các hợp tác xã, doanh nghiệp và "từ trên xuống" tức là các quyết định của Đảng và Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Mối liên hệ hai chiều ấy đã làm cho công cuộc đổi mới ở Việt Nam thành công.

Năm 1989 là thời điểm quan trọng đối với lịch sử Việt Nam từ sau ngày 30 tháng 4 năm 1975. Tháng 12 năm 1986, đường lối "đổi mới" do Đại hội lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam phát khởi đã tạo ra một bước ngoặt mà ba năm sau đó (Hội nghị Trung ương 6, Khóa VI, tháng 9 năm 1989) đã chuyển hẳn nền kinh tế Việt Nam sang cơ chế thị trường định hướng XHCN, và đường lối đó vẫn được tiếp tục duy trì đến nay.

> Từ năm 1986 đến 1990, là giai đoạn đầu của công cuộc đổi mới. Kết thúc kế hoạch 5 năm (1986 - 1990), công cuộc đổi mới đã đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng: GDP tăng 4,4%/năm; tổng giá trị sản xuất nông nghiệp tăng bình quân 3,8 - 4%/năm; công nghiệp tăng bình quân 7,4%/năm, trong đó sản xuất hàng tiêu dùng tăng 13 -14%/năm; giá trị kim ngạch xuất khẩu tăng 28%/năm. (Võ Hồng Phúc, 2006, tr.141)

Quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam và các quốc gia ASEAN vừa mới hé mở đã bị khép lại bởi sự kiện "vấn đề Campuchia" diễn ra vào năm 1979. Cũng chính "vấn đề Campuchia" đã làm cho quan hệ chính trị căng thẳng kéo theo quan hệ kinh tế thương mại ngày càng bị hạn chế. Trong thập niên 80, quan hệ kinh tế thương mại giữa Việt Nam và ASEAN chỉ còn tồn tại trên giấy tờ, trừ Singapore là khách hàng trung gian, là thị trường chuyển khẩu của Việt Nam nên mối quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Singapore vẫn được duy trì và phát triển.

3. Hợp tác Việt Nam – ASEAN trong việc giải quyết *"vấn đề Campuchia"*

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần VI, và các Nghị quyết Hội nghị Trung ương, Nhà nước Việt Nam đã có một loạt điều chỉnh về chính sách có ý nghĩa chiến lược nhằm phá thế bao vây, cô lập, tạo môi trường quốc tế thuận lợi cho việc thực hiện công cuộc đổi mới:

Thứ nhất, Việt Nam rút từng phần và rút hết quân tình nguyện ra khỏi Campuchia;

Thứ hai, Việt Nam đổi mới quan hệ hợp tác với Lào và Campuchia;

Thứ ba, Việt Nam thúc đẩy từng bước bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc;

Thứ tư, Việt Nam từng bước cải thiện với các nước nói riêng và với ASEAN nói chung.

Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ba nước Đông Dương lần thứ 12 (ngày 24-01-1986) đã làm rõ thêm hai mặt của "vấn đề Campuchia":

1) Về mặt nội bộ Campuchia: Nội bộ là phải do các bên Campuchia giải quyết, không có sự can thiệp của bên ngoài;

2) Về mặt quốc tế: Thỏa thuận về việc rút quân tình nguyện Việt Nam đi đôi với việc chấm dứt cung cấp viện trợ, vũ khí và cho sử dụng lãnh thổ Thái Lan đối với Pol Pot, chấm dứt sự can thiệp vào công việc nội bộ của Campuchia, tiến tới cùng tồn tại hòa bình giữa các nước trong khu vực để lập khu vực hòa bình, ổn định ở Đông Nam Á.

Tháng 8 năm 1986, Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ba nước Việt Nam – Lào – Campuchia lần thứ 13 khẳng định ba nước sẵn sàng hợp tác với các bên để tìm một giải pháp trên cơ sở Việt Nam rút hết quân tình nguyện và loại trừ Pol Pot.

Từ ngày 15 đến 16 tháng 6 năm 1987, Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao các quốc gia ASEAN lần thứ 20 họp tại Singapore. Hội nghị bàn về các vấn đề hợp tác kinh tế. "Vấn đề Campuchia" cũng là vấn đề lớn cũng được thảo luận tại hội nghị này. Bộ trưởng Ngoại giao Thái Lan đã báo cáo kết quả chuyến thăm Liên Xô tháng 5 năm 1987 để bàn với Liên Xô về việc giải quyết "vấn đề Campuchia".

Ngày 29 tháng 7 năm 1987, Ngoại trưởng Indonesia (với tư cách là nước đại diện của ASEAN) đã thăm chính thức Việt Nam, hai bên đã ra thông cáo chung, đánh dấu sự kết thúc của thời kì đối đầu giữa Việt Nam và ASEAN xung quanh "vấn đề Campuchia" và mở ra thời kì của những cuộc gặp gỡ trực tiếp giữa Hunsen và Sihanouk. Nhằm đẩy nhanh đối thoại với ASEAN về "vấn đề Campuchia", ngày 11-10-1987, Bộ Quốc phòng Việt Nam đã ra Thông cáo chung về việc rút quân tình nguyện Việt Nam ở Campuchia về nước vào tháng 11 năm 1987.

Trong thời gian này, các quốc gia ASEAN bắt đầu nối lại quan hệ song phương với Việt Nam. Tháng 12 năm 1987, tại Hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ ba ở Manila, Tổng thống Cộng hòa Philipines Korazon Aquino tuyên bố không coi Việt Nam là mối đe doạ với Philippines và Philippines không chống khi Việt Nam muốn gia nhập ASEAN.

> Từ ngày 13 đến 20 tháng 6 năm 1988, Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam Nguyễn Cơ Thạch sang thăm Vương quốc Thái Lan giải toả căng thẳng quan hệ giữa hai nước. Ngày 25 tháng 8 năm 1988, cuộc gặp gỡ giữa hai nhóm nước Đông Dương và ASEAN và các phe phái Campuchia đã tổ chức Hội nghị JIM-I. (Trần Nam Tiến, 2008, tr.401)

Vào năm 1988, Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam Nguyễn Cơ Thạch tuyên bố ý định của Việt Nam gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á. Đây là vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển của ASEAN trong khu vực (Nguyễn Thu Mỹ, 2012, tr.130).

Tháng giêng năm 1989, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Nguyễn Văn Linh tuyên bố: *"*Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sẵn sàng quan hệ hữu nghị với các nước ASEAN và các nước khác trong khu vực". Đồng thời, cùng một quan điểm như trên, Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam Nguyễn Cơ Thạch cũng nhấn mạnh: "Việt Nam sẵn sàng gia nhập Hiệp hội các nước Đông Nam Á". (Trần Thị Vinh, 2011, tr.351)

Ngày 09 tháng 01 năm 1989, Việt Nam rút hết quân tình nguyện còn lại ở Campuchia về nước và tuyên bố dù tình hình xảy ra như thế nào thì quân tình nguyện Việt Nam sẽ không trở lại (Trần Nam Tiến, 2008, tr.401). Việt Nam và Nhà nước Campuchia đã cùng phối hợp với nhóm P5 (thông qua Liên Xô) để cùng nhau khai thông bế tắc tại Hội nghị quốc tế về Campuchia. Việt Nam cũng đã rút toàn bộ chuyên gia quân sự về nước, đưa tất cả các học viên Campuchia đang học tập tại các trường quân sự của Việt Nam về Campuchia trước khi Hiệp định Paris về Campuchia có hiệu lực.

Ngày 21 tháng 01 năm 1989, Bộ trưởng Ngoại giao Malaysia tuyên bố:

> 'Các nước ASEAN đang nghiên cứu xem xét việc mở rộng các cuộc hội đàm về vấn đề Campuchia để gồm cả một số cường quốc tham dự, trong đó có Liên Xô, Trung Quốc, nhằm chuẩn bị cho cuộc hội đàm sắp tới ở Jakarta. Nếu cuộc hội đàm ở Jakarta thành công thì các cuộc đàm phán này có thể mở rộng ảnh hưởng của cả Trung Quốc, Liên Xô và các nước khác nhằm chấm dứt cuộc xung đột ở Campuchia". (Đào Huy Ngọc, 1997, tr.178)

Tiếp đó các cuộc gặp giữa đại diện các nước ASEAN, các nước Đông Dương và các phe phái ở Campuchia mang tên Hội nghị không chính thức Jakarta JIM-I (tháng 7 năm 1988) và JIM-II (tháng 02 năm 1989) và Hội nghị quốc tế về Campuchia IMC (tháng 02 năm 1990) đã diễn ra tại Jakarta, Indonesia, nhằm tiến tới giải quyết "vấn đề Campuchia" bằng biện pháp chính trị.

Hội nghị JIM-I tổ chức tại Bogor (Indonesia). Hội nghị tiến hành hai bước: bước đầu chỉ có 4 phái Campuchia; bước sau có thêm Việt Nam, Lào và 6 nước ASEAN. Mục đích của JIM-I là tạo một khuôn khổ cho các cuộc thảo luận không chính thức, giữa các bên liên quan trực tiếp và các nước hữu quan trong việc tìm kiếm một giải pháp toàn diện, đúng đắn và lâu dài cho "vấn đề Campuchia". Kết quả Hội nghị JIM-I đã khẳng định hai vấn đề then

chốt: Việc rút quân Việt Nam trong khuôn khổ một giải pháp chính trị và việc ngăn chặn sự trở lại của chế độ diệt chủng Pol Pot.

Hội nghị trù bị (Working group) JIM-II tổ chức từ ngày 16 đến ngày 18 tháng 02 năm 1989. Việt Nam đưa ra ba bước rút quân Việt Nam khỏi Campuchia gắn với ba bước chấm dứt viện trợ quân sự của nước ngoài cho các bên Campuchia. Sau đó, từ ngày 19 đến 21 tháng 02 năm 1989 đã diễn ra Hội nghị chính thức JIM-II. Hội nghị một lần nữa khẳng định lại hai vấn đề mấu chốt của giải pháp cho "vấn đề Campuchia" là rút quân Việt Nam trong khuôn khổ một giải pháp chính trị và ngăn ngừa sự quay trở lại chính sách và những hành động diệt chủng của chế độ Pol Pot; chấm dứt mọi sự can thiệp của nước ngoài và sự giúp đỡ về quân sự cho các phái đối lập Khmer; đồng thời xác định việc thực hiện quá trình tổng tuyển cử, cơ chế kiểm soát quốc tế được trang bị những vũ khí tự vệ với chức năng kiểm soát và giám sát. Tại Hội nghị JIM-II, Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam Nguyễn Cơ Thạch phát biểu quan điểm của Việt Nam: Nếu không đạt được giải pháp chính trị thì bộ đội Việt Nam sẽ tiếp tục ở Campuchia cho tới cuối năm 1990 và Việt Nam bác bỏ nói chuyện trực tiếp với Sihanouk (Đào Huy Ngọc, 1997, tr.178).

Ngày 05 tháng 4 năm 1989, ba nước Việt Nam, Lào và Campuchia kí Tuyên bố chung về việc rút toàn bộ quân tình nguyện Việt Nam ở Campuchia về nước (Viện Sử học, 2001, tr.263). Đây là một bước đi trong khuôn khổ thỏa thuận của các cuộc gặp gỡ không chính thức giữa các bên hữu quan ở Campuchia tại Jakarta, Indonesia (JIM-I và JIM-II) cũng như trong khuôn khổ cam kết của Trung Quốc và các quốc gia có liên quan về việc Trung Quốc và các nước đó chấm dứt viện trợ quân sự cho các bên Campuchia khi Việt Nam rút quân. Theo thỏa thuận này, Việt Nam sẽ hoàn thành việc rút quân vào cuối tháng 9 năm 1989.

Ngày 02 tháng 7 năm 1989, Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao các quốc gia ASEAN lần thứ 22 tại Brunei đã bàn về việc ASEAN có nên cử lực lượng vũ trang tham gia gìn giữ hòa bình và cơ quan giám sát quốc tế ở Campuchia hay không. Hội nghị cũng bàn về việc tăng cường hợp tác kinh tế trong tổ chức ASEAN, các quốc gia ASEAN chấp nhận nguyên tắc về thành lập một khối các nước châu Á – Thái Bình Dương để hợp tác kinh tế do Australia đề xuất.

> Từ ngày 15 đến 16 tháng 01 năm 1990, tại Paris (Pháp), đại diện của năm nước thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc đã tổ chức Hội nghị bàn về việc giải quyết "vấn đề Campuchia". Hội nghị đã nhất trí chấp nhận vai trò của Liên hợp quốc trong việc giải quyết "vấn đề Campuchia"; hoan nghênh việc sớm nhóm lại cuộc đối thoại xây dựng giữa các bên Campuchia; thông qua một số nguyên tắc cụ thể trong việc giải quyết vấn đề này. (Viện Sử học, 2001, tr.286)

Ngày 14 tháng 02 năm 1990, cuộc họp Bộ trưởng Ngoại giao các nước ASEAN thống nhất lập trường về "vấn đề Campuchia" trước Hội nghị Jakarta, lần đầu tiên các quốc gia ASEAN đồng ý đề nghị của Australia về lập một chính phủ lâm thời dưới sự bảo trợ của Liên hợp quốc ở Campuchia cho đến cuộc bầu cử tự do năm 1991.

Hội nghị không chính thức về Campuchia (IMC) tổ chức ở Jakarta, Indonesia từ ngày 26 tháng 02 đến 01 tháng 3 năm 1990. Ngoài thành phần như JIM (Campuchia, Việt nam, Lào và đại diện 6 nước ASEAN) còn có thêm đại diện Tổng Thư kí Liên hợp quốc, Pháp và Australia. Hai đồng chủ tịch của hội nghị là Indonesia và Pháp. IMC không đưa ra được tuyên bố chung nào về "vấn đề Campuchia" vì Khmer Đỏ dùng quyền phủ quyết.

Ngày 17 tháng 3 năm 1990, Bộ trưởng Ngoại giao Thái Lan Xitthi đã đưa ra đề nghị của Hoàng thân Sihanouk đưa ra đầu tháng 3 năm đó, về việc Thái Lan đăng cai hội nghị quốc tế khác gồm Trung Quốc, Việt Nam và một số quốc gia[2].

Từ ngày 25 tháng 6 đến 04 tháng 7 năm 1990, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã sang thăm Indonesia. Chuyến thăm của Đại tướng đánh dấu sự khởi động tốt đẹp trong quan hệ Việt Nam – Indonesia nói riêng và Việt Nam – ASEAN nói chung, góp phần làm cho hai bên hiểu rõ hơn về quan điểm của nhau đối với việc bảo đảm an ninh và chính trị của khu vực Đông Nam Á.

> Từ ngày 16 đến 17 tháng 7 năm 1990, đại diện của năm nước lớn gồm Liên Xô, Mĩ, Trung Quốc, Anh và Pháp gặp nhau để bàn về vấn đề Campuchia. Hội nghị đã đi đến thỏa thuận dự thảo ba văn kiện về việc tiến hành bầu cử tự do và công bằng; bảo vệ quyền con người; việc quốc tế bảo đảm quyền độc lập, tự chủ, toàn vẹn lãnh thổ và trung lập của Campuchia, sau đó chuyển cho các bên Campuchia xem xét. Hội nghị kêu gọi các bên Campuchia chấm dứt hoạt động quân sự chuyển sang đối thoại hòa bình "vấn đề Campuchia". (Viện Sử học, 2001, tr.301)

Cuộc họp vòng năm này cũng thông qua vai trò của Liên hợp quốc ở Campuchia, tổ chức tuyển cử, kiểm soát năm bộ, thành lập Hội đồng Dân tộc tối cao (SNC) ở Campuchia là cơ quan đại diện cho nhân dân Campuchia.

Trong tuyên bố chung của Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN lần thứ 23 tại Indonesia (24 – 25/7/1990) đã thống nhất một giải pháp chính trị toàn diện cho Campuchia cần phải thực hiện bằng Hội nghị Paris về Campuchia (PICC – Paris International Conference on Cambodia).

Sau khi đưa chính sách đối ngoại vào thực hiện, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã "giải quyết hòa bình vấn đề Campuchia" một cách tốt đẹp. Đây chính là thành công đầu tiên của

[2] Trong đó có các nước trong ASEAN chưa đồng thuận với lời kêu gọi của ASEAN về một giải pháp cho "vấn đề Campuchia".

chính sách đối ngoại đổi mới của Việt Nam. Bắt đầu từ thành công này tình hình ở Đông Nam Á được cải thiện từ đối đầu sang đối thoại, tạo xu thế hòa bình, hữu nghị, hợp tác.

Trên thực tế, Việt Nam đã rút hết quân tình nguyện ra khỏi Campuchia ngày 26 tháng 9 năm 1989 trước thời hạn đưa ra. Hành động của Việt Nam đã tước vũ khí của đối phương tập trung chống Việt Nam suốt 10 năm và làm thay đổi tính chất của "vấn đề Campuchia", tạo điều kiện sớm giải quyết "vấn đề Campuchia", để có thể mở rộng quan hệ giữa Việt Nam và các nước trong khối ASEAN và tập trung vào hai nhiệm vụ chiến lược mà Đại hội đại biểu toàn quốc lần VI của Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra. Đặc biệt, việc Việt Nam hoàn thành rút quân tình nguyện tạo điều kiện đẩy nhanh giải pháp chính trị cho "vấn đề Campuchia".

Ngày 18 tháng 7 năm 1990, Ngoại trưởng Mĩ Baker tuyên bố chính sách mới của Mĩ về "vấn đề Campuchia": Mĩ thừa nhận Việt Nam đã rút quân khỏi Campuchia; chính quyền Phnom Penh hiện là lực lượng chủ yếu có khả năng ngăn Khmer Đỏ trở lại cầm quyền. Vì vậy, Mĩ quyết định rút bỏ việc công nhận chính phủ Liên hiệp Campuchia Dân chủ (của 3 phái) tại Liên hợp quốc; sẵn sàng thảo luận với Việt Nam và Nhà nước Campuchia (SOC) để thúc đẩy giải pháp cho "vấn đề Campuchia". Những nỗ lực của ASEAN và các nước Đông Dương đã tiến tới cải thiện quan hệ với nhau và phát triển sự hợp tác về mọi mặt. Điều này thể hiện qua câu nói vào năm 1989 của Thủ tướng Thái Lan Chatichai Choohavan: *"Biến Đông Dương từ chiến trường thành thị trường"*. (Lê Khương Thùy, 2003, tr.184)

Tháng 8 năm 1990, năm Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc đã tiến hành cuộc họp lần thứ 6 về "vấn đề Campuchia" ở New York (Mĩ) và đưa ra giải pháp toàn diện cho "vấn đề Campuchia", đó là *"Văn kiện khung về một giải pháp chính trị toàn bộ cho cuộc xung đột Campuchia"*, thường gọi là giải pháp P5. Giải pháp này thể hiện rõ nét trong Hiệp định Paris về Campuchia kí vào tháng 10 năm 1991, chấm dứt cuộc xung đột Campuchia kéo dài hơn 10 năm ở Đông Nam Á. ASEAN đã hài lòng với giải pháp P5 do giải pháp này phù hợp với lợi ích của ASEAN là chấm dứt xung đột tại Campuchia, Campuchia sẽ trở thành một quốc gia trung lập.

Ngày 20 tháng 10 năm 1990, Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc ra nghị quyết số 668 (1990) thông qua văn kiện khung của nhóm P5. Ngày 26 tháng 11 năm 1990, nhóm P5 đề nghị Liên hợp quốc thông qua cái gọi là *Cơ quan quyền lực quá độ của Liên hợp quốc tại Campuchia* (UNTAC), xây dựng lại đất nước Campuchia trong thời gian này.

Tháng 11 năm 1990, Tổng thống Indonesia Suharto thăm Việt Nam, đánh dấu một bước tiến quan trọng giữa Việt Nam và ASEAN, Việt Nam – Indonesia, thành công của cuộc viếng thăm của Tổng thống Indonesia đánh dấu một bước phát triển mới trong quan hệ truyền thống và hợp tác giữa Việt Nam và Indonesia, tất cả vì lợi ích của hai dân tộc, vì hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở khu vực cũng như thế giới.

Từ ngày 21 đến 23 tháng 12 năm 1990, tại Paris (Pháp), Hội đồng dân tộc tối cao Campuchia (SNC) đã thông qua bản dự thảo Hiệp định hòa bình. Vào tháng 01 năm 1991, Liên hợp quốc đã chuyển bản dự thảo đó cho hai quốc gia láng giềng của Campuchia là Việt Nam và Lào.

Ngày 04 tháng 01 năm 1991, Bộ trưởng Ngoại giao Indonesia Alatat tuyên bố tán thành việc Việt Nam, Campuchia và Lào gia nhập ASEAN. Tiếp theo ngày 07 tháng 01 năm 1991, Bộ trưởng Ngoại giao Malaysia Abu Hasan Oma tuyên bố ASEAN hoan nghênh và đồng ý nếu Việt Nam, Lào, Campuchia và Myanmar gia nhập tổ chức ASEAN. Ngày 09 tháng 01 năm 1991, tại Indonesia, Thủ tướng Singapore Gô Chốc Tông tuyên bố rằng, một trong những thách thức đặt ra cho ASEAN trong thập kỉ 90 là giúp đỡ Việt Nam, Lào, Campuchia và Myanmar cải tạo nền kinh tế của quốc gia.

Tháng 3 năm 1991, tại Hội nghị quốc tế về *"Giai đoạn hòa giải thứ hai"* giữa các nước ASEAN và các nước còn lại ở Đông Nam Á tổ chức tại Bali, Thủ tướng Malaysia Mahathir Mohamad đã đưa ra ý tưởng tổ chức đối thoại giữa các quốc gia ASEAN với Việt Nam, Lào, và Myanmar, bắt đầu bằng cuộc họp cấp Bộ trưởng Ngoại giao. Ngày 19 tháng 7 năm 1991, các Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN bắt đầu cuộc họp hàng năm ở Kua Lumpur. Liên Xô và Trung Quốc tham dự với tư cách là khách mời.

Ngày 23 tháng 10 năm 1991, tại Trung tâm hội nghị quốc tế Kléber-Paris (Pháp), đại diện các phía của Campuchia và ngoại trưởng của 18 quốc gia, tổng cộng là 30 đại biểu và Tổng thư kí Liên Hợp Quốc Javier Pérez de Cuéllar, kí tên vào những văn kiện bằng năm loại ngôn ngữ Anh, Hoa, Pháp, Nga, Khmer. Hội nghị Paris đi đến nhất trí và kí vào 4 văn kiện trong đó Hiệp định về một giải pháp chính trị toàn bộ cho cuộc xung đột ở Campuchia là quan trọng nhất. Hiệp định Paris ngày 23 tháng 10 năm 1991 đã mở ra cơ hội cho nhân dân Campuchia đi đến một giải pháp hòa bình, hòa hợp dân tộc. Năm 1993, dưới sự giám sát của Liên Hợp quốc, nhân dân Campuchia đã tiến hành tổng tuyển cửa bầu quốc hội. Quốc hội Campuchia đã họp thông qua hiến pháp, tuyên bố thành lập Vương quốc Campuchia do nhà vua Norodom Sihanouk lãnh đạo và cử ra một Chính phủ liên hiệp đoàn kết dân tộc. Khmer Đỏ lúc này bị đặt ra ngoài vòng pháp luật. Tháng 10 năm 1991, trong bài trả lời phỏng vấn Tạp chí Quan hệ quốc tế, Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam Nguyễn Mạnh Cầm đã nêu rõ chính sách đối ngoại của Việt Nam đối với các quốc gia trong khu vực, khẳng định *"Khu vực châu Á – Thái Bình Dương, mà trước hết là Đông Nam Á và Đông Á, giữ vị trí quan trọng trong chính sách đối ngoại của Việt Nam…"*. Tại Kì họp thứ IX Quốc hội Khóa VII (1987-1991), Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Võ Văn Kiệt đã nhấn mạnh:

> "Lợi ích của Việt Nam gắn bó chặt chẽ với lợi ích của khu vực. Do vậy, lợi ích đặc biệt của chúng ta lúc này là mở rộng quan hệ với các nước láng giềng và các nước trong khu vực, phấn đấu vì một Đông Nam Á hòa bình, ổn định, hữu nghị và hợp tác" (M.Rajaretnam –Thái Quang Trung, 2003, tr.64).

Vào năm 1991, Thủ tướng Việt Nam Võ Văn Kiệt đã có chuyến thăm hữu nghị một số quốc gia ASEAN như Malaysia (7-2-1991), Indonesia, Thái Lan và Singapore (từ ngày 24-10 đến 01-11-1991). Ngày 16 tháng 11 năm 1991, Singapore bãi bỏ lệnh cấm đầu tư vào Việt Nam.

> Sự xích lại gần nhau giữa Việt Nam và ASEAN có thêm những nhân tố mới thúc đẩy sau khi Trung Quốc sử dụng vũ lực đánh chiếm một số đảo thuộc quần đảo Trường Sa của Việt Nam và thái độ phản ứng của Việt Nam đối với Trung Quốc, sử dụng biện pháp đàm phán để giải quyết tranh chấp về lãnh thổ trên biển Đông (Đào Huy Ngọc, 1997, tr.93).

Năm 1991 và 1992 là các mốc tiền đề đánh dấu sự tiến triển trong quan hệ giữa Việt Nam và ASEAN, quan hệ đối thoại và hợp tác đã thay cho quan hệ đối đầu, Việt Nam nhận được sự đồng tình, ủng hộ của các quốc gia ASEAN, càng làm thúc đẩy quan hệ Việt Nam – ASEAN tiếp tục phát triển thuận lợi hơn.

4. Kết luận

Quan hệ giữa Việt Nam và ASEAN thực sự cải thiện khi "vấn đề Campuchia" được giải quyết vào năm 1989 dưới sự giám sát của Liên hợp quốc, quân tình nguyện Việt Nam đã rút khỏi Campuchia an toàn mở ra một thời kì mới cho quan hệ của Việt Nam với tổ chức Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á. ASEAN đã đi đầu trong việc tìm kiếm giải pháp chính trị cho "vấn đề Campuchia", lôi cuốn các nước lớn tham gia. Việt Nam trong thời gian này, công cuộc đổi mới đất nước đặt ra yêu cầu tạo dựng môi trường hòa bình, ổn định trong nước và khu vực để tập trung vào phát triển kinh tế đất nước, cải thiện đời sống nhân dân, đưa Việt Nam đi lên hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới. Vì thế, vấn đề quan hệ giữa Việt Nam với các nước ASEAN có tầm quan trọng đặc biệt.

Việc cùng nhau giải quyết "vấn đề Campuchia" đã thay đổi quan hệ giữa Việt Nam – ASEAN chuyển từ đối đầu sang đối thoại, khẳng định vị trí của Việt Nam trong khu vực. Điều này có ý nghĩa rất to lớn trong việc mang lại ổn định an ninh cho khu vực và làm giảm nguy cơ xung đột tại khu vực Đông Nam Á vốn đang tiềm tàng nhiều mâu thuẫn giữa các nước. Đây chính là thành công đầu tiên của chính sách đối ngoại đổi mới của Việt Nam. Bắt đầu từ thành công này tình hình ở Đông Nam Á được cải thiện, đánh dấu xu thế hòa bình, hữu nghị, hợp tác trong khu vực.

Tháng 7 năm 1992 Việt Nam kí Hiệp ước Bali và trở thành quan sát viên của ASEAN. Ngày 27 tháng 7 năm 1995, Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 7 của ASEAN. Đây là một sự kiện rất quan trọng trong lịch sử Đông Nam Á. Đối với Việt Nam, đây là sự hội nhập khu vực theo đúng chính sách truyền thống của Việt Nam và chính sách bốn điểm tháng 7 năm 1976. Đối với ASEAN, đây là một sự mở rộng cần thiết để tiếp tục kế hoạch của tổ chức nhằm bao gồm cả 10 quốc gia của khu vực, làm cho khu vực Đông Nam Á đóng vai trò to lớn hơn trong khu vực và trên thế giới.

❖ ***Tuyên bố về quyền lợi:*** *Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Ngoại giao Việt Nam. (2018). *Chính sách đối ngoại của nước CHXHCN Việt Nam*. Khai thác từ: http://www.mofahcm.gov.vn/vi/mofa/cs_doingoai/cs/ns040823162938.

Vũ Dương Huân. (Chủ biên, 2002). *Ngoại giao Việt Nam hiện đại vì sự nghiệp đổi mới (1975-2002),* (tài liệu lưu hành nội bộ). Hà Nội: Học viện Quan hệ Quốc tế.

M.Rajaretnam –Thái Quang Trung. (2003). *Một Đông Nam Á vận mệnh chung tương lai chung.* Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.

Nguyễn Thu Mỹ. (Chủ biên, 2012). *Lịch sử Đông Nam Á,* tập VI. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.

Vũ Dương Ninh. (2005). Ba mươi năm trên những chặng đường hội nhập quốc tế (1975-2005). *Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội, KHXH&NV, 1*, 1-15.

Đào Huy Ngọc. (1997). *ASEAN và sự hội nhập của Việt Nam.* Hà Nội*:* NXB Chính trị Quốc gia.

Võ Hồng Phúc. (2006). Những thành tựu về kinh tế - xã hội qua 20 năm đổi mới (1986-2005), *Việt Nam 20 năm đổi mới*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.

Trần Nam Tiến. (chủ biên, 2008). *Lịch sử quan hệ quốc tế (1945-2000).* Hà Nội: NXB Giáo dục.

Phạm Đức Thành. (2006). *Liên kết ASEAN trong thập niên đầu thế kỉ XXI*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.

Lê Khương Thùy. (2003). *Chính sách của Hoa Kì đối với ASEAN trong và sau chiến tranh lạnh*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.

Viện Sử học. (2001). *Thế giới – Những sự kiện lịch sử thế kỉ XX (1946-2000).* Hà Nội: NXB Giáo dục.

Trần Thị Vinh. (Chủ biên, 2011). *Lịch sử thế giới hiện đại*, quyển 2. Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm.